

LỊCH SỬ PHỤ NỮ: NGHIÊN CỨU SỰ BẤT BÌNH ĐẲNG VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA PHỤ NỮ MỸ THỜI CẬN ĐẠI (THẾ KỈ XVI – XIX)

Nguyễn Thị Bích

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Tóm tắt. Ngày nay, những giá trị về nhân quyền, dân quyền và đặc biệt là vấn đề bình đẳng giới tính (nam nữ bình quyền) đã trở thành yêu cầu bức thiết và có ý nghĩa quyết định đối với sự tiến bộ xã hội. Tuy nhiên, trong suốt nhiều thế kỉ, phụ nữ bị phân biệt đối xử trên phương diện pháp lí là hiện tượng phổ biến trong lịch sử trên quy mô toàn cầu. Ngay cả với một quốc gia luôn tự hào về truyền thống dân chủ của mình như nước Mỹ, phụ nữ cũng chỉ được coi là công dân “hạng hai” và những đóng góp của họ dường như “biến mất” trong lịch sử. Phải đến những năm 1960 - 1970, dưới tác động của Cách mạng Dân quyền, việc nghiên cứu lịch sử phụ nữ Mỹ với tư cách là một lĩnh vực độc lập mới thu hút được sự chú ý của các học giả. Trong phạm vi bài viết, tác giả tập trung phân tích 2 vấn đề chính: tìm hiểu địa vị “hạng hai” của phụ nữ Mỹ trên phương diện pháp lí và tìm cách lí giải nguyên nhân nào đưa đến việc tồn tại bất bình đẳng giới một cách dai dẳng như vậy suốt thời cận đại (thế kỉ XVI - XIX) trong lịch sử quốc gia này. Từ đó, giúp người đọc nhìn nhận một cách hệ thống, khách quan về những nỗ lực của phụ nữ Mỹ trong cuộc đấu tranh giành quyền công dân hợp pháp của mình sau này.

Từ khóa: phụ nữ, nước Mỹ, địa vị pháp lí, luật pháp.

1. Mở đầu

Nước Mỹ thường tự hào trước thế giới về truyền thống dân chủ của mình. Trong gần 250 năm tồn tại, phụ nữ Mỹ bao gồm nhiều thành phần tầng lớp, chủng tộc khác nhau: phụ nữ da trắng, phụ nữ gốc Phi, phụ nữ Mỹ bản địa (Native Americans), phụ nữ gốc Latinh, gốc Á,... đều nỗ lực, đóng góp cho sự phát triển của quốc gia, dân tộc. Tuy nhiên, cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, vai trò của họ dường như chưa được công nhận một cách xứng đáng. Không chỉ bị kì thị bởi chủng tộc, tôn giáo hay giai cấp, phụ nữ còn chịu sự phân biệt giới tính khắt khe cả trên phương diện luật pháp và tâm lí cộng đồng.

Việc nghiên cứu về lịch sử phụ nữ vốn không được đề cao và gặp rất nhiều khó khăn. Chỉ từ những năm 1970 của thế kỉ XX, sau cuộc cách mạng Dân quyền, mảng đề tài về chủ đề lịch sử phụ nữ mới thực sự được chú ý và thu được những thành tựu. Đối với chủ đề nghiên cứu địa vị pháp lí của phụ nữ Mỹ thời cận đại có một số tác phẩm tiêu biểu như: *Women and the Law of Property in Early America* (1989) và *The Limits of Independence: American Women, 1760–1800* (1998) của tác giả Marylynn Salmon. Trong đó tác giả tập trung đưa ra những minh chứng về địa vị pháp lí của phụ nữ Mỹ lập quốc [1], [2]. Bài báo *The Legal Status of Women: The Journey toward Equality*” (2001) trên tạp chí *Journal of Law and Religion* của tác giả Sandra Day O'Connor [3;29-38] cho thấy việc phụ nữ bị phân biệt đối xử trên phương diện pháp lí là

hiện tượng phổ biến trong lịch sử trên quy mô toàn cầu.

Ở trong nước, một số bài viết có liên quan đến nội dung đề tài như *Phụ nữ phương Tây đòi viết lại lịch sử* (Nguyễn Trinh,

1995) [4], *Lí thuyết nữ quyền phương Tây và việc lí giải địa vị hạng hai của phụ nữ* (Phạm Thị Bích Hằng, 2003) [5]. Mặc dù các bài viết trên tiếp cận dưới góc độ nghiên cứu lí thuyết xã hội học và trên một phạm vi không gian rộng (phụ nữ phương Tây) nhưng cũng đã cung cấp một số tư liệu và gợi mở hướng tiếp cận cho tác giả.

2. Nội dung nghiên cứu

Trong thời đại ngày nay, những giá trị về nhân quyền, dân quyền và đặc biệt là vấn đề bình đẳng giới tính (nam nữ bình quyền) trở thành yêu cầu bức thiết và có ý nghĩa quyết định đối với sự tiến bộ xã hội thì việc nghiên cứu lịch sử phụ nữ càng được nhấn mạnh hơn nữa. Đối với nước Mỹ, từ những năm 1970, “không có lĩnh vực nghiên cứu lịch sử nào lại tập trung nhiều nỗ lực, sự đổi mới và sự quan tâm như lĩnh vực lịch sử phụ nữ Mỹ” [6;389]. Hàng trăm trường Đại học, cao đẳng đưa ra các khóa học về lịch sử phụ nữ, nhiều trường đào tạo các chuyên gia về nghiên cứu lịch sử phụ nữ. Các ý tưởng và tư liệu về lịch sử phụ nữ trở nên đặc biệt quan trọng bởi chúng đưa ra các hình ảnh xác thực và đầy đủ về quá khứ cũng như những vấn đề mới nảy sinh. Đúng như lời nhận xét của nữ sử gia Joan Kelly: “khôi phục địa vị phụ nữ trong lịch sử của chúng ta là phải đưa những tri thức về lịch sử phụ nữ bổ sung cho những tri thức về lịch sử nói chung” [4;43].

Ngược dòng thời gian, hình ảnh người phụ nữ xuất hiện hầu hết với *tư cách cá nhân* chứ không phải *vai trò cộng đồng*. Họ hoàn thành những nhiệm vụ được cho là “*nhiệm vụ tự nhiên*” của họ: sinh con, nuôi dưỡng con cái, chăm sóc gia đình và hoàn toàn tách biệt với các vấn đề chính trị hay kinh tế. Trên phương diện luật pháp, phụ nữ luôn bị gạt ra ngoài, thậm chí không có quyền công dân thực sự. Họ phụ thuộc vào nhà thờ, chồng, con trai và những trật tự gia trưởng khác. Hình ảnh của họ dường như “*biến mất*” trong lịch sử. Trong cuốn *Lịch sử dân tộc Mỹ*, sử gia Howard Zinn đã cảm thán: “Rất có thể sẽ quên đi số phận phân nửa dân số của một đất nước nếu chỉ đọc những trang viết về lịch sử. Những người đi khai phá thuộc địa là nam giới - ông chủ đất và thương gia, các ngài chính trị gia và nhân vật quân sự. Sự vô hình của phụ nữ, sự coi nhẹ họ là dấu hiệu về thân phận bị nhấn chìm” [7;125].

2.1. Địa vị “hạng hai” của phụ nữ Mỹ thời cận đại (XVI - XIX)

Địa vị của phụ nữ đã không được ghi nhận một cách đúng đắn trong những bộ luật đầu tiên của thế giới cũng như những bộ luật nổi tiếng sau này. Họ không được hiện diện một cách chính thống với tư cách một chủ thể độc lập của các quan hệ pháp luật mà sự có mặt của họ trong các bộ luật này chỉ dưới danh nghĩa là người vợ, người mẹ, là con gái con nuôi, nàng hầu hay nô lệ của một chủ thể chính thống - nam giới.

Trong điều khoản 129, bộ luật Hammurabi có viết: “người chồng là ông chủ, nghĩa là kẻ chiếm hữu đầy quyền hành đối với vợ mình. Người chồng mua vợ về như mua một nô lệ. Nếu không có con, người chồng có quyền ly dị, bán vợ hoặc lấy vợ lẽ” [8;18]. Địa vị của người phụ nữ cũng được quy định trong luật pháp La Mã cổ đại: “người phụ nữ cả đời đều phải sống phụ thuộc vào người khác, khi ở nhà dưới quyền cha, khi lấy chồng thì dưới quyền chồng, khi chồng chết thì phải chịu sự quản lí của họ hàng nhà chồng” [8;18].

Đối với nước Mỹ, trước khi người châu Âu đặt chân tới Tân thế giới, những người Mỹ bản địa còn sống trong xã hội thị tộc, bộ lạc theo chế độ mẫu hệ. “Thị tộc gồm một người phụ nữ được coi là tổ mẫu với các con của bà ta và cả con của người con gái và cháu gái của bà ta theo chế độ mẫu hệ và cứ như thế mãi” [9;33]. Phụ nữ giữ vai trò chủ chốt trong các công việc trồng trọt và chăn nuôi vốn cần bàn tay chăm chỉ và khéo léo. Họ nhanh nhẹn và có thể bơi cả chặng

đường dài, họ tham gia chiến đấu với các bộ lạc khác. Phụ nữ trong xã hội thổ dân da đỏ được tôn trọng và được đối xử công bằng đến mức mà khi “những người Tây Ban Nha lần đầu đặt chân lên mảnh đất này phải kinh ngạc” [9;6].

Tuy nhiên, “chế độ mẫu hệ này không có nghĩa là trao quyền cho phụ nữ mà chỉ có nghĩa là duy trì mối quan hệ họ hàng và dòng giống” [7;127]. Phụ nữ Mỹ lúc bấy giờ không có quyền hành cao hơn đàn ông, mặc dù họ đang trong xã hội thị tộc, bộ lạc mẫu hệ bởi quyền lực của thủ lĩnh hoàn toàn dựa vào sự nhất trí của các thành viên trong thị tộc. Như vậy, thời kì này chưa có sự phân biệt khắt khe về địa vị và vai trò giữa nam giới và phụ nữ trong quan niệm của xã hội Mỹ như trong các thời kì sau đó.

Vào thế kỉ XVII, khi những di dân châu Âu đầu tiên tới châu Mỹ đã tạo ra những điều kiện khác nhau cho phụ nữ. Trong số những người định cư đầu tiên tới Mỹ, chủ yếu là nam giới thì những người phụ nữ được đưa đến Tân thế giới chủ yếu dưới vai trò là những nô lệ tình dục, người sinh con đẻ cái hoặc tùy tùng. Năm 1619, trong chuyến tàu đầu tiên đến Virginia, 90 người phụ nữ đầu tiên đã đặt chân đến Jamestown. “Họ là những cô gái trẻ, tự nguyện, để bảo... tự bán mình cho những người định cư để làm vợ, và giá của cuộc mua bán chỉ bằng chi phí vận chuyển của họ” [7;127]. Nhiều người trở thành những người hầu theo hợp đồng với cuộc sống chẳng khác nô lệ là mấy ngoại trừ công việc phục vụ là có thời hạn. Trong cuốn *American Working Women* (Những người phụ nữ lao động Mỹ), tác giả đã miêu tả: họ được trả công rất thấp, thường bị đối xử thậm tệ và cay nghiệt, không được ăn uống tử tế và không được chút riêng. Điều này tất yếu sẽ dẫn đến sự phản kháng. Tuy nhiên, với điều kiện sống xa gia đình, người thân, lại không có sự liên lạc với những người cùng cảnh ngộ nên họ chỉ có thể phản kháng một cách yếu ớt và thụ động: “cố gắng làm ít việc nhằm gây khó khăn cho các ông, bà chủ... nhưng họ chỉ cho đó là biểu hiện của sự lười biếng, buồn chán, ác ý và ngu dốt của đây tớ” [7;127]. Việc lạm dụng tình dục với những người hầu nữ thường xuyên xảy ra. Và với những người phụ nữ là nô lệ da đen thì sự khùng khiếp tăng lên gấp nhiều lần.

Trong chuyến tàu Mayflowers rời nước Anh sang Mỹ (9/1620) có 102 người có tới 18 phụ nữ đã có gia đình. Sau cuộc hành trình 65 ngày, họ trở thành những người đầu tiên định cư trên đất Mỹ, lập ra thành phố New Plymouth ngày nay. Do không chịu nổi cái rét của mùa đông lạnh giá nên phân nửa người di cư đã chết. Những người phụ nữ sống sót phải chia sẻ công việc nặng nhọc với đàn ông để xây dựng nơi hoang dã. Vì vậy, họ thường được kính trọng và khi đàn ông qua đời, họ cũng phải gánh vác công việc của đàn ông. Như vậy, trong suốt thế kỉ đầu tiên, phụ nữ ở các bang vùng biên nước Mỹ dường như có địa vị khá bình đẳng so với đàn ông. Tuy nhiên, những điều này đã thực sự thay đổi trong thế kỉ tiếp theo.

Khi những người châu Âu di cư sang Bắc Mỹ, họ mang theo luật pháp, tôn giáo, tín ngưỡng cùng những quan điểm phong phú về địa vị của người phụ nữ. Năm 1623, luật pháp của Anh được tóm tắt trong một văn bản có tên gọi *Các luật về quyền phụ nữ* (The Lawes Resolutions of Women Rights) viết: “Khi một nhánh sông, suối nhỏ nhập vào sông Rhodanus, Humber hay sông Thames, các nhánh sông hay suối nhỏ mất đi tên của mình... Một người phụ nữ ngay khi lập gia đình thường trở thành “cái bóng”, xung quanh bị phủ bọc bởi những làn sương khói dày đặc và người phụ nữ đó không còn được mang tên họ của mình nữa... Cái “bản thân” của người ấy giờ đã thuộc về ông chủ, người đồng hành, người bảo trợ... của chính người phụ nữ ấy” [9;129]. Từ đó, những quan niệm về vai trò, địa vị của người phụ nữ trong xã hội Mỹ dần có sự thay đổi.

Ở mọi bang, địa vị pháp lý của phụ nữ tự do (da trắng) phụ thuộc vào tình trạng hôn nhân (trước thế kỉ XIX, phụ nữ Mỹ gốc Phi, da đỏ và các dân tộc nhập cư gốc Á... không được coi là công dân, do đó không có các quyền hợp pháp – TG chú thích). Phụ nữ chưa kết hôn (bao gồm cả góa phụ) được gọi là “*femes soles*” hoặc “*women alone*” (phụ nữ ở một mình). Họ có quyền hợp pháp để sống ở nơi họ thích. Họ có quyền làm những công việc không yêu cầu giấy phép

hoặc chỉ giới hạn cho nam giới. Phụ nữ độc thân có thể kí hợp đồng, mua bán bất động sản hoặc tích lũy tài sản cá nhân. Tuy nhiên, tài sản này chỉ bao gồm tiền mặt, tín phiếu, gia súc và nô lệ (ở các bang miền Nam). Họ không có quyền sở hữu đất đai (thừa kế theo dòng đích – từ cha cho con trai). Khi chưa kết hôn, phụ nữ có thể khởi kiện và bị kiện, viết di chúc, làm người giám hộ. Những quyền này là sự tiếp nối của truyền thống pháp luật thuộc địa [10].

Tuy nhiên trên thực tế, cuộc sống của những người phụ nữ độc thân này rất khó khăn. Họ thường chọn sống cùng gia đình người thân như anh trai, em gái. Họ phải phụ thuộc vào các giáo xứ của họ để được hỗ trợ, phải ra ngoài làm việc như những người hầu hoặc ở trong nhà khất thực, nơi họ được giao cho những nhiệm vụ như kéo sợi và may để trả tiền. Ở thuộc địa Pennsylvania, có 2/3 cư dân của các nhà khất thực (Almshouses) là phụ nữ. Do đó, “khó có thể tìm thấy được bất kì người phụ nữ nào, ngoại trừ những người có ý chí mạnh mẽ, sống tự lập không phụ thuộc vào đàn ông” [10;294].

Hôn nhân đã thay đổi địa vị pháp lí của phụ nữ một cách đáng kể. Khi kết hôn, phụ nữ gần như phụ thuộc hoàn toàn vào chồng. Các quyền của phụ nữ chỉ được nhìn nhận thông qua mối quan hệ với chồng chứ không có những quy định cụ thể. Điều này được gọi với thuật ngữ *Coverture* (luật ẩn giấu). Luật gia người Anh William Blackstone đã nhận xét trong cuốn *Commentaries on English Law (1765 - 1769)* (Bình luận về Luật Anh (1765-1769): “Bằng hôn nhân, người chồng và người vợ trở thành một thể thống nhất trong luật pháp, cũng có nghĩa là, bản thể hay tư cách pháp nhân hợp pháp của người phụ nữ đã bị biến mất trong hôn nhân” [12;442-445].

Về kinh tế, phụ nữ có chồng thì không được hưởng các quyền lợi về kinh tế, không được phép có tài sản riêng và hoàn toàn phụ thuộc kinh tế vào chồng. Trong văn kiện *Body of Liberties* (Tự do cá nhân tập thành) do Đại hội đồng bang Massachusetts thông qua (1641) đã đề cập đến vấn đề này: “nếu người nào khi chết không để lại cho vợ mình một phần gia sản đáng giá thì Đại hội đồng sẽ dựa vào lời khiếu nại của người đàn bà để phán quyết và cứu trợ cho họ” [13]. Điều này có nghĩa là tài sản trong gia đình là hoàn toàn thuộc sở hữu của chồng, người phụ nữ không được phép sử dụng tài sản khi không được sự đồng ý của chồng mặc dù trên thực tế, người phụ nữ đóng góp một phần đáng kể vào việc xây dựng kinh tế gia đình.

Về chính trị, trong luật pháp Mỹ luôn nói đến quyền bình đẳng, tự do của con người (trong đó có phụ nữ). Văn kiện *Body of Liberties* nêu rõ: “sự tự do hưởng thụ các quyền bất khả xâm phạm và những đặc quyền khác như nhân quyền, dân quyền, quyền tự do tín ngưỡng là quyền tất hữu của mọi người trong cương vị và khả năng của mình” [13]. Đối với phụ nữ, bản Tuyên ngôn tuyên bố: “bất cứ một người đàn bà nào khi lập gia đình, người chồng không được hành hạ xác thân hay roi vọt để sửa dạy vợ, trừ phi phải tự vệ trong trường hợp chính đáng” [13]. Tuy nhiên trên thực tế, chồng họ có thể đánh họ mà luật pháp không can thiệp. Con cái của họ cũng không thuộc quyền sở hữu riêng của họ theo đúng nghĩa hợp pháp và trong trường hợp ly dị, họ sẽ mất tất cả quyền lợi đối với con mình.

Trong lĩnh vực cộng đồng cũng không lấy gì làm khác hơn. Phụ nữ không thể nắm giữ chức vụ hay quyền bầu cử. Hầu như mọi nghề nghiệp đều khép cửa lại với họ (ngoại trừ làm giáo viên trong các trường tiểu học, nhưng mức lương của những cô giáo nhận được cũng thấp hơn thầy giáo). Hầu hết họ đều bị xem là không có chuyên môn và bị trả lương rất thấp.

2.2. Lí giải địa vị pháp lí bất bình đẳng của phụ nữ

Việc phát hiện ra rằng hình ảnh hay vai trò của người phụ nữ bị “biến mất” (missing) trong lịch sử là chưa đủ. Chúng ta vẫn cần biết vì sao phụ nữ đã bị thiệt thòi một cách dai dẳng, bị áp bức, bị gạt ra bên lề, bị phụ thuộc. Cơ chế nào đã giúp và thuyết phục con người thời kì đó rằng vai trò của phụ nữ bị hạn chế là điều hiển nhiên và họ không thể hoặc không nên nghĩ đến việc xóa bỏ chúng? Chúng ta có thể xem xét một số yếu tố sau:

Thứ nhất, do tác động từ tư tưởng tôn giáo. Trong quan điểm Thiên chúa giáo, Hình ảnh Eve như một kẻ dụ dỗ trong Cựu ước đã gây nên một ân tượng cực kỳ không tốt về phụ nữ. Tất cả phụ nữ đều được tin là thừa kế từ mẹ của họ - Eva cả tội lỗi và tính lừa dối. Do đó, họ đều không đáng tin cậy, thua kém về đạo đức và độc ác. Kinh nguyệt, mang thai, sinh nở - những đặc điểm giới điển hình của phụ nữ được xem là hình phạt vĩnh viễn cho những tội lỗi của họ. "...phụ nữ là một sự sáng tạo của cuộc sống con người. Tuy nhiên, phụ nữ có trí tuệ thấp kém hơn đàn ông, phụ nữ là nguồn gốc của sự cám dỗ, người phụ nữ là cánh cửa của ma quỷ, con đường của tà ác, nọc độc của con rắn" (*Kinh Cựu ước*) [14;209].

Hay "Đàn bà phải yên lặng mà nghe dạy, lại phải vâng phục mọi đàn ông. Ta không cho phép đàn bà dạy dỗ, cũng không được cầm quyền trên đàn ông, nhưng phải ở yên lặng. Vì Adam được dựng trước nhất, rồi mới tới Eva" (trích I *Timothy* 2:11-14) [14;209].

Chính vì vậy họ được coi là "vật sở hữu" của cha hay của chồng. Phụ nữ không có quyền phát biểu hay bày tỏ chính kiến. Lí do mà họ đưa ra là: "phụ nữ luôn có xu hướng tội lỗi và sai sót. Phụ nữ không thể làm những công việc đòi hỏi sự phát triển của cơ bắp hay trí tuệ" và "Phụ nữ được xem là những sinh vật yếu đuối, chỉ có ưu thế nhờ vào dạ con của mình, vốn làm cho họ luôn lo lắng và bệnh hoạn, không đủ khả năng để chịu đựng những gánh nặng của một người trưởng thành" [6;125]. Vì thế, phụ nữ chỉ được làm những công việc trong phạm vi gia đình và không thể tham gia bất cứ công việc nào ngoài xã hội. Đàn ông vẫn xem họ "là người hầu, bạn tình, tùy tùng, người sinh nở, dạy dỗ kiêm chăm sóc con cái của ông ta" [15;151].

Thứ hai, đặc điểm văn hóa cộng đồng được các nhà sử học miêu tả với thuật ngữ "*chủ nghĩa nữ tính gia đình*" (The Culture of Domesticity) [15;151] đã hạn chế một cách nghiệt ngã khả năng của phụ nữ Mỹ được hoạt động tự do trong môi trường công cộng hoặc theo đuổi những khát vọng về kinh tế.

Hệ thống niềm tin này có nguồn gốc từ thời kì Khai sáng theo đó vị trí thấp hơn của phụ nữ là hoàn toàn chính đáng. Điều này vô cùng phổ biến trong tư tưởng con người thế kỉ XVII, XVIII. Những quy ước có tính văn hóa về "*những trách nhiệm đặc biệt*" (Peculiar Responsibilities of American Women) của phụ nữ Mỹ không hề thay đổi theo thời gian từ thời thuộc địa thậm chí cho đến đầu thế kỉ XX. Bao quanh họ là một thành lũy của những quy ước ngọt ngào.

Theo Barbara Welter (1966) "*phụ nữ đích thực*" phải là một người dịu ngọt, duyên dáng, thùy mị, ân cần, ngoan đạo, cung kính và tiết hạnh. Như lời trích dẫn từ một tờ báo của thế kỉ XVIII: "Tôi đã có chồng và tôi không có mối quan tâm nào khác hơn là làm vui lòng người chồng mà tôi yêu. Ông ấy là cái đích mà mọi sự chú ý của tôi đều hướng tới. Tôi mặc quần áo gì cũng là vì ông ấy. Nếu tôi đọc một bài thơ, một vở kịch, thì cũng là để có thể chuyện trò phù hợp với sở thích của ông ấy" [16;106]. Có thể nói, phụ nữ sau khi kết hôn mất hẳn thân phận riêng của mình trong cộng đồng: "với hôn nhân, bản sắc cá nhân của người phụ nữ bị biến mất" [16;55].

Thứ ba, có thể giải thích địa vị thấp kém của phụ nữ dưới góc độ nhân khẩu học. Chúng ta biết rằng phụ nữ rất quan trọng đối với việc duy trì và phát triển các gia đình thời kì thuộc địa. Nam giới nói chung sẽ không thể điều hành các hộ gia đình nếu như không có người trợ giúp (helpmeet). Thêm đó, phụ nữ cũng vô cùng cần thiết để phát triển dân số. Tuy nhiên, tỉ lệ nam giới so với nữ giới trong thời kì thuộc địa là khoảng 4:1. Đàn ông đông gấp 4 lần so với phụ nữ. Như vậy, phụ nữ có số lượng ít ỏi hơn so với nam giới. Công việc chính của họ là sinh con đẻ cái và làm những công việc gia đình. Ngoài ra, họ là những người có thể chất yếu ớt. Cứ 10 người phụ nữ thì có tới 2 người chết khi sinh con và vì thế được thay thế bởi một người vợ khác [9;172]. Một người đàn ông chắc chắn có thể mong đợi có được nhiều hơn 1 người vợ trong suốt cuộc đời. Những người vợ thứ 2 hoặc 3 được gọi là *now-wife* (vợ bây giờ) hoặc *present-wife* [17;213] báo hiệu sự mong đợi của đàn ông rằng cô ấy có thể không phải là vợ trong tương

lai của anh ta. Và như vậy, nam giới sẽ không có lí do gì để coi trọng phụ nữ và những ý kiến của họ khi luôn coi họ là ở một thứ hạng thấp hơn của mình.

Thứ tư, điều kiện về quyền thừa kế vừa là biểu hiện vừa là nhân tố ảnh hưởng đến cách phụ nữ được đối xử. Trước thế kỉ XIX, đất đai ở Mỹ sẵn có với số lượng lớn tuy nhiên chỉ được truyền từ cha sang con trai (thừa kế theo dòng đích). Người con trai được thừa kế mảnh đất và cố gắng xây dựng mở mang cho thế hệ tiếp theo của gia đình. Còn các cô con gái sẽ nhận được thứ được gọi là “*đồ dịch chuyển*” (moveables) [17;204]. Họ có thể được nhận đồ nội thất hoặc đồ sứ, được thừa kế người hầu (hoặc nô lệ) là tài sản khi họ kết hôn, nhưng về cơ bản họ không có được quyền thừa kế tài sản là đất đai. Theo quy định của luật pháp: đối tượng được phép tham gia chính trị chỉ cho phép những người chủ hộ - tức là những người sở hữu ít nhất một mảnh đất và ngôi nhà của mình trên đó. Vì vậy, phụ nữ không thể tham gia vào quá trình chính trị [17;212].

Quy tắc này cũng có một số ngoại lệ, đó là các góa phụ giàu có. Thông thường, một góa phụ có thể được nhận 1/3 tài sản từ người chồng đã khuất [18]. Đó được coi là một khoản phúc lợi xã hội để đảm bảo cuộc sống cho góa phụ. Tuy nhiên, khi góa phụ mất đi thì tài sản sẽ được chia giữa các con trai và con gái của bà và một lần nữa vòng quay lặp lại khi đất cho con trai và động sản cho con gái. Trong trường hợp các góa phụ tái hôn quyền kiểm soát tài chính, của cải lại được chuyển giao cho người chồng kế tiếp.

Trên đây là một số yếu tố tổng hợp để hình thành nên cái gọi là “*hệ thống giới tính*” (gender system) tồn tại rộng rãi và chặt chẽ trong xã hội Mỹ thời cận đại. (Cần hiểu “*giới*” (gender) theo nghĩa khái quát, là khái niệm đề cập đến mối quan hệ giữa nam giới và phụ nữ và các đặc tính được xã hội gán cho từng nhóm; khác biệt với khái niệm “*giới tính*” (sexual) là những yếu tố xác định về mặt sinh học – TG chú thích).

Cùng với những định kiến về chủng tộc và giai cấp, định kiến giới đã trở thành tiêu chí định hình cuộc sống và suy nghĩ của họ. Chính định kiến giới minh họa cho những gì phụ nữ có thể đạt được hoặc không thể đạt được. Cũng giống như những người thực dân tin rằng có một mệnh lệnh do Chúa ban cho và có một trật tự tự nhiên để giữ con người ở đúng vị trí của mình. Do đó, vai trò của phụ nữ và nam giới đã được phân định từ đầu và họ không có quyền được phản đối. Trong bối cảnh đó, hầu hết phụ nữ đều chấp nhận vị trí thiệt thòi của họ.

3. Kết luận

Tình trạng đối xử bất bình đẳng với phụ nữ, đặc biệt trên phương diện pháp lí là một hiện tượng phổ biến có tính chất toàn cầu. Điều này cũng hoàn toàn đúng với nước Mỹ thời cận đại. Họ không được hưởng các quyền chính trị hợp pháp mà chỉ có thể trở thành công dân hạng hai, phụ thuộc vào cha, chồng hay anh trai và các thể chế gia trưởng khác. Vai trò của họ dường như “*biến mất*” trong lịch sử. Chỉ có một thiểu số phụ nữ da trắng, có tài sản và độc thân (bao gồm cả góa phụ) được thực hiện quyền công dân kèm theo những điều kiện tùy theo quy định của từng bang nhưng nhìn chung họ đều được coi là “*công dân hạng hai*” trong hệ thống chính trị Mỹ.

Phải đến những năm 1960-1970, dưới tác động của cuộc cách mạng Dân quyền và sự hồi sinh của các phong trào đấu tranh của phụ nữ, vai trò của phụ nữ trong lịch sử được xem xét một cách nghiêm túc dựa trên nguồn tư liệu mới và góc nhìn mới. Việc nghiên cứu về lịch sử phụ nữ cũng làm thay đổi nhiều lĩnh vực khác của lịch sử. Đó “*không chỉ đơn giản là đưa phụ nữ vào một bức tranh đã có của quá khứ, giống như vẽ thêm các nhân vật vào khoảng trống của bức tranh sơn dầu đã hoàn thành.*” [6;390]. Nhiều trường hợp, nội dung nghiên cứu về lịch sử phụ nữ còn có thể làm biến đổi những bức tranh trước đó của quá khứ, tìm ra những điểm không chính xác hoặc sai lệch, giúp các nhà sử học có được bức tranh xác thực và đầy đủ về quá khứ.

Hiện nay, việc nghiên cứu lịch sử phụ nữ đã được đẩy mạnh và đạt nhiều thành quả. Đây là khuynh hướng mang tính tất yếu khách quan của lịch sử, một nhiệm vụ cần thiết được đặt ra cho các nhà sử học để hoàn thiện bức tranh quá khứ.

Ghi chú: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 trong phạm vi đề tài cơ sở có mã số: HPU2.CS-2021.05

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Marylynn Salmon, 1989. *Women and the Law of Property in Early America*, Chapel Hill: The University of North Carolina Press.
- [2] Marylynn Salmon, 1989. *The Limits of Independence: American Women, 1760–1800*, Oxford University Press, USA/.
- [3] Sandra O'Connor, 2001. “The Legal Status of Women: The Journey toward Equality”. *Journal of Law and Religion* Vol. 15, No. 1/2 (2000 - 2001).
- [4] Nguyễn Trình, 1995.” Phụ nữ phương Tây đòi viết lại lịch sử”. *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, số 9/1995.
- [5] Phạm Thị Bích Hằng, 2003. “Lí thuyết nữ quyền phương Tây và việc lí giải địa vị hạng hai của phụ nữ”. *Tạp chí Khoa học về phụ nữ*, số 2/2003.
- [6] Eric Foner (cb), 2003. *Lịch sử mới của nước Mỹ*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Howard Zinn, 2010. *Lịch sử dân tộc Mỹ*. Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [8] *Women in World History: An Overview, for CLIO Femmes Genre Histoire*, twenty-fifth anniversary edition, January 2011. Nguồn: <https://journals.openedition.org/cliio/>.
- [9] Linda Gordon, 1997. “U.S. Women's History”, *American Historical Association press*, Washington.
- [10] *The Legal Status of Women, 1776–1830*, nguồn: <https://ap.gilderlehrman.org/essay/legal-status-women-1776%C3%A2%E2%82%AC%E2%80%9C1830>.
- [11] Lưu Tô Xương, Quang Nhân Hồng, 2002. *Lịch sử thế giới – tập IV, thời cận đại*. Nxb TP Hồ Chí Minh.
- [12] William Blackstone, 1765. *Commentaries on the Laws of England*. Vol, I (1765) (pdf).
- [13] “Body of Liberties”, 1641. Nguồn: <https://www.mass.gov/doc/1641-massachusetts-body-of-liberties/download>.
- [14] Rosemary R. Ruether, 1987) “Christianity” in Arvind Sharma, ed. “Women in World Religions” (Albany: State University of New York Press.
- [15] Welter, Barbara, 1966) “The Cult of True Womanhood:1820-1860” (PDF), American Quarterly press.
- [16] Trung tâm Hoa Kỳ, *Sự hình thành nước Mỹ: Xã hội và văn hóa Mỹ*, nguồn: https://photos.state.gov/libraries/vietnam/8616/transdoc/trans_MakingAmerica.pdf.
- [17] Langbein, John H.; Lerner, Renée Lettow; Smith, Bruce P., 2009. *History of the Common Law: The Development of Anglo-American Legal Institutions*. New York: Aspen Publishers.
- [18] *An Act Concerning the Dowry of Widows*, 1672, nguồn: https://www.law.cornell.edu/wex/common_law

ABSTRACT

**History of women: research on the unequal legal location of American women
in modern history (XVI - XIX century)**

Nguyen Thi Bich

Faculty of History, Hanoi Pedagogical University 2

Today, the values of human rights, civil rights and especially the issue of gender equality (men and women equal rights) have become an urgent and decisive requirement for social progress. However, throughout the centuries, women's legal discrimination has been a historically common phenomenon on a global scale. Even in a country as proud of its democratic traditions as the United States, women are considered “second-class” citizens and their contributions seem to “disappear” in history. It was not until the 1960s - 1970s, under the influence of the Civil Rights Revolution, that the study of American women's history as an independent field attracted the attention of scholars. Within the scope of the article, the author focuses on analyzing two main issues: understanding the “second-class” status of American women in legal terms and trying to explain what causes inequality to exist. world in such a persistent way throughout the modern period (16th - 19th centuries) in the history of this country. From there, it helps readers to systematically and objectively view the efforts of American women in the struggle for their legal citizenship later.

Keywords: Women, American, legal status, law.